giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

2. Trình Ủy ban nhân dân cấp xã kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt và theo dõi kiểm tra việc thực hiện;

3. Thẩm định, xác nhận hồ sơ để Ủy ban nhân dân cấp xã cho thuê đất, chuyển đổi quyền sử dụng đất, đăng ký giao dịch bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật;

4. Thực hiện việc đăng ký, lập và quản lý hồ sơ địa chính; theo dõi, quản lý biến động đất đai; chỉnh lý hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai;

5. Tham gia hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật. Phát hiện các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và môi trường, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan có thẩm quyền xử lý;

6. Tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường; tổ chức các hoạt động vệ sinh môi trường trên địa bàn;

7. Quản lý dấu mốc đo đạc và mốc địa giới; bảo quản tư liệu về đất đai, đo đạc và bản đồ;

8. Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực công tác được giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ địa chính xã.

2. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Thông tư số 470/TT-TCĐC ngày 18 tháng 7 năm 1994 của Tổng cục Địa chính về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cơ quan Địa chính các cấp ở địa phương và các văn bản hướng dẫn khác trái với Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc đề nghị bổ sung, sửa đổi, các địa phương phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ để nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên
và Môi trường

MAI ÁI TRỰC

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

ĐỖ QUANG TRUNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải số 2074/2003/QĐ-BGTVT ngày 16/7/2003 về tải trọng và khổ giới hạn đường bộ các quốc lộ.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639621

tháng 4 năm 2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ tình hình cải tạo nâng cấp các quốc lộ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố tuyến, đoạn tuyến quốc lộ đã được cải tạo nâng cấp, xây dựng mới đồng bộ có tải trọng thiết kế mặt đường cho xe có tải trọng nhỏ hơn hoặc bằng 10 tấn/trục đơn của xe, tải trọng thiết kế cầu là H30 - XB80 (Danh mục trong Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có thông số kỹ thuật cơ bản theo Quy định kiểu loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được phép tham gia giao thông (ban hành kèm Quyết định số 4597/2001/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải), có chiều cao (chiều cao hàng + chiều cao xe) tính từ mặt đất lên nhỏ hơn hoặc bằng 4,2 m được lưu hành bình thường trên các tuyến, đoạn tuyến quốc lộ quy định tại Điều 1 của Quyết định này, trừ một số cầu trên Quốc lộ 1 từ Cầu Giẽ (Hà Tây) đến Năm Căn (Cà Mau) khi lưu hành phải căn cứ vào biển báo về tải trọng và khổ giới hạn cho phép của cầu. Quy định tại Điều này không áp dụng đối với xe chở hàng siêu trường, siêu trọng.

Điều 3. Khi tham gia giao thông trên các tuyến, đoạn tuyến quốc lộ khác ngoài danh mục được công bố, người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ phải căn cứ vào biển báo về tải trọng và khổ giới hạn cho phép của cầu đường để xếp hàng. Trường hợp bất khả kháng phải vận chuyển hàng có khối lượng và kích thước vượt quá tải trọng và khổ giới hạn của cầu, đường phải thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý đường bộ về các biện pháp vận chuyển đặc biệt, bảo đảm an toàn công trình cầu, đường và an toàn giao thông đường bộ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 4211/2001/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố tải trọng đường bộ các quốc lộ và Quyết định số 2487/ĐBVN ngày 19 tháng 9 năm 1996 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố tải trọng trên quốc lộ.

Điều 5. Các Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Vận tải, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Cục trưởng Cục Giám định và quản lý chất lượng công trình giao thông, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Bộ trưởng Bộ Giao thông
vận tải

ĐÀO ĐÌNH BÌNH

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phụ lục

CÁC TUYẾN, ĐOẠN TUYẾN QUỐC LỘ
ĐÃ ĐƯỢC CẢI TẠO NÂNG CẤP ĐỒNG BỘ

(kèm theo Quyết định số 2074/2003/QĐ-BGTVT ngày 16/7/2003 của Bộ Giao thông vận tải).

Số thứ tự	Quốc lộ	Đoạn tuyến	Chiều dài (Km)
1	1	Hữu Nghị Quan đến Ngã ba Km5+400 Quốc lộ 5	160
	1	Ngã ba Pháp Vân đến Cầu Giẽ (đường tốc độ cao)	32
	1	Cầu Giẽ (Hà Tây) đến Năm Căn (Cà Mau) Km 2301+682 (Trừ một số cầu chưa được cải tạo nâng cấp, có tải trọng hạn chế)	2088,7
2	5	Ngã ba cầu chui Gia Lâm đến Cảng Chùa Vẽ (Km0 đến Km106)	106
3	8	Bãi Vọt đến cửa khẩu Cầu Treo (Km0 đến Km85)	85
4	9	Cảng Cửa Việt đến cửa khẩu Lao Bảo (Km0 đến Km99)	99
5	10	Ngã ba Bí Chợ (Km0) đến thị xã Ninh Bình (Km138)	138
6	14	Ban Mê Thuật đến Chơn Thành (Km718 đến Km988)	151
7	18	Thị xã Bắc Ninh đến thành phố Hạ Long (Km0 đến Km122)	122
8	19	Ngã ba Cầu Gành đến ngã ba Phù Đổng (Km15 đến Km152)	137
9	22	Ngã tư An Sương đến cửa khẩu Mộc Bài (Km0 đến Km58+600)	58,6
10	Láng - Hòa Lạc	Ngã tư Láng đến ngã ba Hòa Lạc (Km0 đến Km30+160)	30,2
11	51	Ngã ba Vũng Tàu đến Km73+600 (Km0 đến Km73+600)	73,6
12	183	Ngã ba Tiền Trung đến ngã ba Sao Đỏ (Km0 đến Km22+300)	22,3
13	Dịch Vọng - Nội Bài	Ngã tư Dịch Vọng - Cầu Thăng Long - Sân bay Nội Bài	23
14	Đường ra cảng Dung Quất	Km1028/Quốc lộ 1 đến cảng Dung Quất (Km0 đến Km8+800)	8,8

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09639621